

Điểm giữa kỳ (30%) Hình học - lớp Thủ Đức K4

Thứ bảy, 01 Tháng 10 2011 15:06

Có 12 học viên lớp **Thủ Đức khoá 4** không được phép dự thi học phần **Hình học** do vắng quá nhiều, bao gồm:

1. K35.901.428 Nguyễn Tuấn Anh
2. K35.901.515 Phạm Thị Nga Linh
3. K35.901.518 Phạm Thị Minh Luận
4. K35.901.520 Huỳnh Trương Thiên Lý
5. K35.901.594 Vũ Thị Phương Thanh
6. K35.901.601 Nguyễn Hồ Thanh Thảo
7. K35.901.432 Phạm Ngọc Kim Anh
8. K35.901.507 Lê Thị Hồng Kiềm
9. K35.901.539 Trần Thị Kim Ngọc
10. K35.901.571 Nguyễn Ngọc Hoài Phương
11. K35.901.588 Tô Văn Tạo
12. K35.901.651 Phạm Thị Tường Vân

Điểm giữa kỳ (30%) học phần Hình học:

STT	Mã số SV	Họ tên	Điểm	Ghi chú
1	425	Nguyễn Thị Trường An	5	Năm
2	426	Lê Hoàng Ngọc Tú Anh	8	Tám
3	427	Lê Thị Phương Anh	8	Tám
4	428	Nguyễn Tuấn Anh	CT	Cấm thi
5	437	Nguyễn Thị Thanh Bình	7	Bảy
6	438	Trịnh Thị Bình	5	Năm
7	440	Trần Thị Châm	8	Tám
8	441	Nguyễn Thị Châm	4	Bốn
9	443	Nguyễn Thị Kim Chi	8	Tám
10	444	Nguyễn Hà Thảo Chi	8	Tám
11	456	Hồ Thị Kim Dung	7	Bảy
12	457	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	6	Sáu
13	458	Lương Thị Duy	8	Tám
14	459	Thạch Long Duyên	4	Bốn
15	461	Đặng Thị Điềm	7	Bảy
16	471	Vũ Thị Hà	8	Tám
17	484	Lý Thị Kim Hồng	7	Bảy
18	485	Lê Thị Hoà	9	Chín
19	489	Huỳnh Thị Trúc Hương	5	Năm
20	490	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	5	Năm
21	493	Nguyễn Thị Mộng Hường	7	Bảy
22	494	Vũ Thị Thu Hường	7	Bảy

Điểm giữa kỳ (30%) Hình học - lớp Thủ Đức K4

Thứ bảy, 01 Tháng 10 2011 15:06

23	496	Trần Trương Thị Mỹ Huệ	7	Bảy
24	497	Vũ Nguyễn Thế Huy	6	Sáu
25	498	Hoàng Thị Ánh Huyền	8	Tám
26	499	Nguyễn Trần Thị Hương Huyền	4	Bốn
27	501	Vũ Thị Bích Huyền	4	Bốn
28	502	Võ Thị Mai Huyền	6	Sáu
29	504	Huỳnh Đăng Khoa	6	Sáu
30	506	Phùng Thị Mỹ Khoan	7	Bảy
31	515	Phạm Thị Nga Linh	CT	Cấm thi
32	518	Phạm Thị Minh Luận	CT	Cấm thi
33	520	Huỳnh Trương Thiên Lý	CT	Cấm thi
34	522	Trương Thuý Mai	7	Bảy
35	523	Hoàng Thị Mai	7	Bảy
36	524	Nguyễn Thị Ngọc Mai	3	Ba
37	525	Phan Thị Thanh Mai	6	Sáu
38	540	Lê Nguyễn Bích Ngọc	4	Bốn
39	543	Trịnh Thị Nguyệt	5	Năm
40	546	Nguyễn Thị Nhất	7	Bảy
41	547	Đỗ Thị Nhân	6	Sáu
42	548	Nguyễn Thị Quỳnh Như	5	Năm
43	549	Đinh Thị Nhung	4	Bốn
44	551	Lê Thị Nhung	8	Tám
45	552	Nguyễn Ngọc Hồng Nhung	6	Sáu
46	554	Nguyễn Thị Lệ Niêm	8	Tám
47	555	Trần Thị Ngọc Oanh	6	Sáu
48	556	Lê Thị Oanh	7	Bảy
49	558	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	5	Năm
50	563	Phạm Thanh Phong	5	Năm
51	564	Cao Thị Hồng Phượng	8	Tám
52	565	Lê Thị Kim Phượng	8	Tám
53	567	Phạm Ngọc Phượng	8	Tám
54	580	Tổng Thị Như Quỳnh	6	Sáu
55	581	Lê Thị Ngọc Sương	7	Bảy
56	584	Nguyễn Thị Thanh Tâm	7	Bảy
57	586	Nguyễn Ngọc Tâm	9	Chín
58	587	Nguyễn Thị Tâm	8	Tám
59	594	Vũ Thị Phương Thanh	CT	Cấm thi
60	595	Nguyễn Phạm Duy	6	Sáu

Điểm giữa kỳ (30%) Hình học - lớp Thủ Đức K4

Thứ bảy, 01 Tháng 10 2011 15:06

		Thanh		
61	596	Nguyễn Công Thành	8	Tám
62	597	Nguyễn Thị Thành	7	Bảy
63	598	Nguyễn Tấn Thành	7	Bảy
64	599	Hoàng Kim Phương Thảo	7	Bảy
65	600	Võ Thị Quý Thảo	7	Bảy
66	601	Nguyễn Hồ Thanh Thảo	CT	Cấm thi
67	602	Tia Hồ Phương Thảo	7	Bảy
68	603	Lê Ngọc Thảo	7	Bảy
69	604	Vũ Thị Thảo	7	Bảy
70	623	Phạm Thị Thanh Thuý	7	Bảy
71	625	Nguyễn Thị Thanh Thuý	6	Sáu
72	628	Nguyễn Thị Thu Thuý	5	Năm
73	631	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	7	Bảy
74	632	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	5	Năm
75	633	Ngô Thị Trần	6	Sáu
76	635	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	6	Sáu
77	636	Nguyễn Thị Thanh Trang	5	Năm
78	637	Lê Thị Mỹ Trang	5	Năm
79	639	Lê Thị Huyền Trang	7	Bảy
80	641	Phạm Thị Tuyết Trinh	6	Sáu
81	655	Phạm Thị Kim Vi	5	Năm
82	657	Nguyễn Thị Vy	6	Sáu
83	658	Nguyễn Thị Ánh Xuân	6	Sáu
84	665	Phan Thị Như Ý	4	Bốn
85	430	Lê Thị Kim Anh	7	Bảy
86	432	Phạm Ngọc Kim Anh	CT	Cấm thi
87	434	Nguyễn Thụy Thuý Bảo	6	Sáu
88	435	Trần Thị Ngọc Bích	7	Bảy
89	436	Huỳnh Thị Ngọc Bích	7	Bảy
90	445	Nguyễn Thị Chi	5	Năm
91	447	Trần Thị Kim Chuyển	4	Bốn
92	449	Nguyễn Thị Hồng Cúc	7	Bảy
93	450	Đặng Thị Cúc	7	Bảy
94	451	Lê Thị Dinh	6	Sáu
95	452	Đặng Ngọc Dung	7	Bảy

Điểm giữa kỳ (30%) Hình học - lớp Thủ Đức K4

Thứ bảy, 01 Tháng 10 2011 15:06

96	454	Đỗ Thị Kim Dung	5	Năm
97	455	Trương Lê Thuý Dung	4	Bốn
98	463	Nguyễn Trọng Đức	7	Bảy
99	464	Phạm Thị Thuý Hằng	6	Sáu
100	466	Nguyễn Thị Lệ Hằng	7	Bảy
101	467	Phạm Bình Phương Hạ	6	Sáu
102	468	Lương Thị Mỹ Hạnh	5	Năm
103	469	Lư Mỹ Hạnh	8	Tám
104	470	Lê Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	9	Chín
105	473	Nguyễn Thị Thanh Hiền	8	Tám
106	475	Nguyễn Thị Kim Hiền	8	Tám
107	477	Phạm Nguyễn Thu Hiền	6	Sáu
108	479	Trần Thị Hiền	7	Bảy
109	480	Trần Thị Hoa	4	Bốn
110	481	Phạm Thị Hoa	6	Sáu
111	483	Tổng Thị Kim Hồng	5	Năm
112	487	Đào Thị Thanh Hương	6	Sáu
113	507	Lê Thị Hồng Kiêm	CT	Cấm thi
114	508	Nguyễn Văn Kiệt	6	Sáu
115	509	Nguyễn Thị Thuý Lam	7	Bảy
116	510	Trần Thị Lan	7	Bảy
117	511	Lê Mai Tuyết Lan	7	Bảy
118	512	Lê Ngọc Mai Linh	8	Tám
119	513	Nguyễn Thị Ngọc Linh	7	Bảy
120	516	Lê Trương Hồng Loan	7	Bảy
121	521	Nguyễn Lê Thanh Mai	7	Bảy
122	526	Chu Thị Minh	5	Năm
123	527	Trần Huyền Diệu My	8	Tám
124	528	Lương Thị Mỹ	6	Sáu
125	529	Nguyễn Thị Mỹ	7	Bảy
126	530	Nguyễn Trọng Năm	6	Sáu
127	531	Mai Thị Hồng Nga	5	Năm
128	532	Phạm Thị Nga	8	Tám
129	533	Nguyễn Thị Mỹ Lệ Nga	4	Bốn
130	534	Đinh Thị Kim Ngân	7	Bảy
131	535	Phạm Thị Thuý Ngân	6	Sáu
132	536	Nguyễn Bích Ngọc	5	Năm

Điểm giữa kỳ (30%) Hình học - lớp Thủ Đức K4

Thứ bảy, 01 Tháng 10 2011 15:06

133	538	Ngô Thị Thanh Ngọc	5	Năm
134	539	Trần Thị Kim Ngọc	CT	Cấm thi
135	541	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyễn	4	Bốn
136	542	Phan Thị Ánh Nguyệt	7	Bảy
137	544	Lê Hữu Nhân	7	Bảy
138	560	Nguyễn Thị Kiều Oanh	7	Bảy
139	561	Tô Kiều Oanh	5	Năm
140	571	Nguyễn Ngọc Hoài Phương	CT	Cấm thi
141	573	Trần Thị Thanh Phương	6	Sáu
142	574	Nguyễn Thị Hà Phương	7	Bảy
143	575	Lê Thị Phương	7	Bảy
144	577	Nguyễn Thị Thuý Quyên	6	Sáu
145	578	Nguyễn Thị Quyên	7	Bảy
146	582	Lê Thị Ánh Sương	6	Sáu
147	583	Du Thuý Quế Sương	8	Tám
148	585	Nguyễn Thị Tâm	7	Bảy
149	588	Tô Văn Tạo	CT	Cấm thi
150	589	Nguyễn Thị Thật	6	Sáu
151	590	Phạm Thị Hồng Thắm	7	Bảy
152	591	Hoàng Thị Thu Thanh	8	Tám
153	592	Nguyễn Thị Thanh	7	Bảy
154	593	Nguyễn Ngọc Thanh	7	Bảy
155	605	Cao Thị Phương Thảo	9	Chín
156	607	Lại Thị Thảo	6	Sáu
157	610	Phan Thị Thảo	7	Bảy
158	612	Lê Thị Anh Thư	2	Hai
159	613	Nguyễn Thị Minh Thư	8	Tám
160	615	Bùi Thị Thịnh	7	Bảy
161	616	Phạm Thị Ngọc Thương	7	Bảy
162	618	Cao Hoài Thu	4	Bốn
163	619	Nguyễn Thu Thuý	8	Tám
164	621	Nguyễn Thị Thuý	8	Tám
165	634	La Bảo Trân	4	Bốn
166	642	Nguyễn Thị Thuý Trình	8	Tám
167	643	Huỳnh Thị Mai Trinh	7	Bảy
168	644	Hồ Thị Thanh Trúc	6	Sáu
169	645	Nguyễn Thị Thanh Trúc	7	Bảy

Điểm giữa kỳ (30%) Hình học - lớp Thủ Đức K4Thứ bảy, 01 Tháng 10 2011 15:06

170	646	Trương Thanh Trúc	6	Sáu
171	647	Huỳnh Thị Kim Truyền	6	Sáu
172	648	Nguyễn Thị Kim Tuyền	7	Bảy
173	649	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	6	Sáu
174	650	Lâm Thị Tịnh Vân	6	Sáu
175	651	Phạm Thị Tường Vân	CT	Cấm thi
176	652	Nguyễn Thị Thanh Vân	7	Bảy
177	662	Trần Thị Mộng Yên	7	Bảy
178	663	Trần Thị Yên	7	Bảy
179	664	Nguyễn Thị Hải Yên	3	Ba